

Kết quả kinh doanh HOSE quý 3/2024

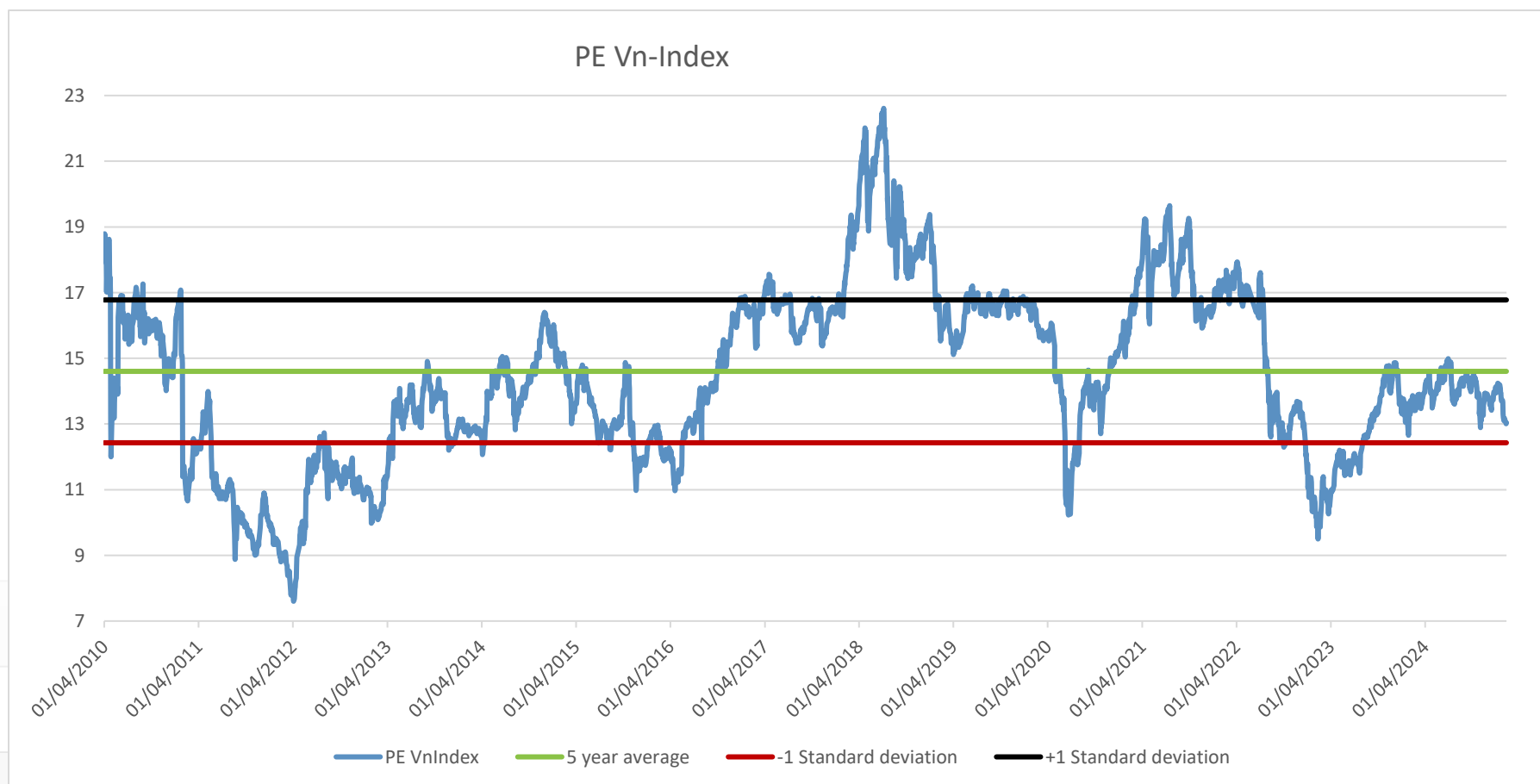
Lợi nhuận quý 3 tăng 27.7% yoy

- Ngành bán lẻ tăng 410.6%
- Ngành bất động sản tăng 47.5%
- Ngành ngân hàng chiếm tới 51.9% tổng lợi nhuận các doanh nghiệp trên sàn HOSE

		Doanh thu			LNST		
		Giá trị	YoY %	QoQ %	Giá trị	YoY %	QoQ %
Tài chính		138,244	13.6%	20.1%	78,009	22.1%	16.5%
	Ngân hàng				54,977	16.7%	-6.4%
	Dịch vụ tài chính	10,048	2.3%	-1.8%	2,865	-0.1%	-0.3%
	Bất động sản	114,605	16.3%	26.4%	19,447	47.5%	327.6%
	Bảo hiểm	13,591	2.3%	-4.1%	721	-1.0%	-11.2%
Phi tài chính		541,079	8.3%	-4.7%	27,840	46.7%	-9.7%
	Bán lẻ	59,153	15.8%	6.1%	1,156	410.6%	-15.8%
	Công nghệ Thông tin	20,387	20.2%	1.9%	2,182	18.5%	6.9%
	Dầu khí	66,763	-9.5%	-12.0%	248	-72.1%	-81.6%
	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	58,157	5.9%	-20.0%	5,343	55.3%	19.8%
	Du lịch và Giải trí	45,633	18.0%	9.2%	1,532	-179.1%	3.8%
	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	42,605	17.7%	2.5%	2,461	14.9%	-29.2%
	Hàng cá nhân & Gia dụng	17,554	7.3%	-12.3%	855	30.5%	-21.7%
	Hóa chất	28,097	-1.1%	2.9%	2,437	35.3%	-22.8%
	Ô tô và phụ tùng	13,610	20.4%	10.2%	99	-46.8%	-63.9%
	Tài nguyên Cơ bản	68,105	16.0%	-10.8%	3,136	18.5%	-21.3%
	Thực phẩm và đồ uống	85,760	7.7%	0.5%	6,357	23.1%	3.3%
	Truyền thông	635	65.7%	35.3%	26	285.9%	11.4%
	Xây dựng và Vật liệu	29,757	6.8%	-10.5%	1,544	-0.2%	9.6%
	Y tế	4,862	-11.8%	-6.0%	465	28.8%	-19.8%
Tổng cộng		679,323	9.3%	-0.5%	105,850	27.7%	8.2%

Chỉ số PE đã về gần sát biên dưới 1 lần độ lệch chuẩn

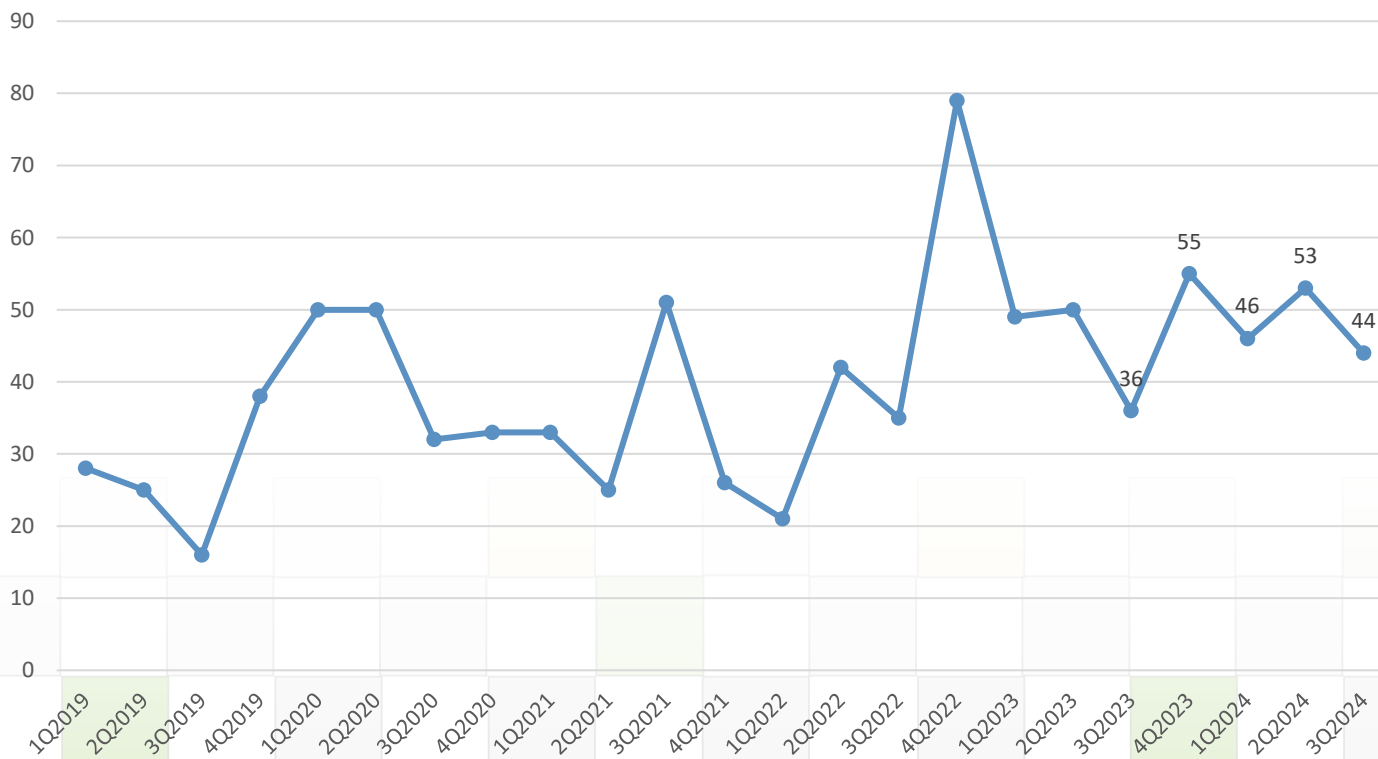
- Vn-Index PE: 13.03 lần
- Biên dưới 1 lần độ lệch chuẩn: 12.43 lần



Số doanh nghiệp báo lỗ trong xu hướng giảm từ 4Q2024

Tuy vậy, số lượng doanh nghiệp báo lỗ vẫn tăng so với cùng kỳ, từ 36 tăng lên 44 doanh nghiệp

Số lượng doanh nghiệp báo lỗ



Nhiều doanh nghiệp lớn có lợi nhuận tăng bằng lần

- Các doanh nghiệp tiêu biểu có lợi nhuận tăng mạnh là: MSN MWG KBC DXS
- Các doanh nghiệp tiêu biểu có lợi nhuận giảm mạnh là: PLX AAA KDC OCB KDH

Top 30 doanh nghiệp có lợi nhuận tăng/giảm mạnh nhất

STT	Mã	LNST yoy	Mã	LNST yoy
1	NHA	19582%	PLP	-96%
2	SHI	19335%	KMR	-95%
3	CRE	17395%	TDG	-91%
4	PC1	17380%	PLX	-91%
5	PJT	3686%	CTF	-91%
6	SGT	3020%	TCT	-88%
7	ANV	2583%	C47	-84%
8	DBC	2405%	CMV	-84%
9	BCG	2210%	TNH	-81%
10	MWG	1965%	DHM	-80%
11	HU1	1799%	DTL	-80%
12	NVL	1730%	TCD	-79%
13	TCO	1404%	ABS	-78%
14	MSN	1349%	AAA	-78%
15	KBC	1320%	DAH	-76%
16	DXS	920%	CDC	-74%
17	HQC	831%	CII	-72%
18	DC4	760%	TIP	-72%
19	HAX	712%	HTN	-70%
20	TBC	707%	NAV	-70%
21	TLD	698%	ELC	-69%
22	HVH	642%	OCB	-68%
23	TYA	532%	TNT	-68%
24	CTI	526%	SPM	-67%
25	ST8	499%	KDC	-67%
26	TRC	483%	NHH	-66%
27	DLG	483%	KDH	-66%
28	MDG	409%	OGC	-62%
29	SAV	399%	HAR	-62%
30	STK	392%	SAM	-60%

Nhóm Ngân hàng: tăng trưởng tín dụng là động lực tăng trưởng

- Tăng trưởng tín dụng 9 tháng toàn nền kinh tế là 9%, cao hơn so với mức tăng 6.24% trong 9 tháng 2023
- Nhiều ngân hàng có mức tăng trưởng tín dụng vượt trội yoy là VCB TCB ACB HDB LPB VIB TPB NAB EIB
- NIM có xu hướng giảm nhẹ, đặc biệt giảm tại VCB. Cùng với việc lãi suất tiền gửi đang ở mức rất thấp trong lịch sử (dù tăng nhẹ vài tháng gần đây), cho thấy lãi suất cho vay hiện rất thấp
- Tỷ lệ nợ xấu giảm nhẹ yoy: 9/18 ngân hàng có nợ xấu giảm và 9/18 có nợ xấu tăng; và mức trung bình tỷ lệ nợ xấu cũng giảm

	LNST			NIM			Tăng trưởng tín dụng			Tỷ lệ nợ xấu (NPL)		
	3Q2024	3Q2023	YoY	3Q2024	3Q2023	YoY	3Q2024	3Q2023	YoY	3Q2024	3Q2023	YoY
VCB	8,567	7,269	17.9%	3.00%	3.32%	-0.33%	10.18%	3.79%	6.4%	1.22%	1.21%	0.01%
MBB	5,790	5,773	0.3%	4.38%	5.55%	-1.17%	13.42%	13.65%	-0.2%	2.23%	1.89%	0.35%
TCB	5,738	4,613	24.4%	4.41%	4.17%	0.25%	17.53%	13.51%	4.0%	1.29%	1.36%	-0.07%
CTG	5,226	3,863	35.3%	3.01%	2.91%	0.09%	8.95%	8.71%	0.2%	1.45%	1.37%	0.08%
BID	5,151	4,583	12.4%	2.47%	2.69%	-0.22%	9.78%	8.27%	1.5%	1.71%	1.60%	0.11%
VPB	4,028	2,425	66.1%	5.99%	5.85%	0.14%	8.75%	17.08%	-8.3%	4.81%	5.74%	-0.93%
ACB	3,870	4,038	-4.1%	3.87%	4.27%	-0.40%	13.80%	8.74%	5.1%	1.49%	1.20%	0.29%
HDB	3,424	2,480	38.0%	5.86%	4.80%	1.05%	16.56%	11.53%	5.0%	1.90%	2.26%	-0.37%
LPB	2,331	993	134.8%	3.58%	3.25%	0.33%	16.10%	11.94%	4.2%	1.96%	2.79%	-0.83%
STB	2,201	1,635	34.7%	3.64%	3.88%	-0.23%	11.99%	12.32%	-0.3%	2.47%	2.20%	0.27%
SHB	1,740	2,059	-15.5%	3.01%	3.65%	-0.63%	8.71%	7.89%	0.8%	3.09%	3.21%	-0.11%
VIB	1,599	2,147	-25.5%	3.99%	4.80%	-0.80%	11.63%	5.43%	6.2%	3.85%	3.68%	0.17%
TPB	1,383	1,263	9.5%	4.05%	3.70%	0.35%	13.52%	7.22%	6.3%	2.29%	2.97%	-0.69%
SSB	1,012	908	11.4%	3.79%	3.02%	0.78%	9.36%	9.38%	0.0%	1.87%	1.87%	0.00%
MSB	978	1,325	-26.2%	3.61%	4.31%	-0.69%	14.24%	16.34%	-2.1%	2.88%	2.94%	-0.06%
NAB	870	416	109.5%	3.79%	3.17%	0.62%	15.76%	9.71%	6.0%	2.85%	2.84%	0.02%
EIB	721	242	198.3%	2.90%	2.57%	0.33%	13.49%	4.12%	9.4%	2.71%	2.64%	0.07%
OCB	347	1,083	-67.9%	3.43%	3.80%	-0.37%	9.73%	10.39%	-0.7%	3.19%	3.74%	-0.55%

Ngành chứng khoán: margin là động lực tăng trưởng

- LNST nhóm chứng khoán giảm nhẹ không đáng kể 0.3%
- Doanh thu môi giới giảm 29% yoy do giá trị giao dịch trên 3 sàn trong quý 3/2024 giảm 22.8% yoy
- Tuy nhiên, doanh thu margin lại tăng 23% do số dư margin tăng 38.7%

	LNST			Doanh thu môi giới			Doanh thu margin			Số dư margin		
	3Q2024	3Q2023	YoY	3Q2024	3Q2023	YoY	3Q2024	3Q2023	YoY	3Q2024	3Q2023	YoY
SSI	795	711	11.7%	346	542	-36.1%	549	431	27.5%	19,499	15,269	27.7%
HCM	222	214	3.9%	193	224	-13.8%	478	292	63.7%	19,286	11,331	70.2%
VCI	215	179	20.3%	190	162	17.1%	206	177	16.7%	10,112	5,783	74.9%
VND	505	639	-21.0%	168	301	-44.4%	313	358	-12.5%	10,859	10,951	-0.8%
BSI	70	123	-42.9%	67	97	-31.1%	125	126	-1.0%	5,056	4,592	10.1%
FTS	81	184	-56.1%	60	100	-39.9%	153	115	33.0%	6,917	4,730	46.2%
VDS	77	93	-17.2%	41	98	-58.1%	101	90	12.7%	3,359	2,997	12.1%
DSE	44	40	9.6%	33	24	38.7%	93	78	19.0%	4,102	2,237	83.4%
VIX	265	199	33.2%	26	31	-16.7%	111	72	54.1%	4,223	2,492	69.5%
CTS	53	68	-22.2%	25	34	-27.1%	78	71	9.9%	3,119	2,603	19.8%
DSC	72	39	84.2%	22	41	-46.1%	45	38	18.3%	1,830	1,308	39.9%
ORS	132	59	123.3%	20	30	-33.1%	59	24	144.9%	2,336	868	169.3%
AGR	31	27	17.3%	17	21	-19.1%	40	37	8.1%	1,599	1,120	42.7%
TCI	21	21	2.3%	8	9	-3.4%	20	18	14.2%	618	674	-8.2%
TVS	48	62	-22.0%	6	7	-8.0%	7	6	23.4%	240	198	21.2%
TVB	39	21	83.9%	0	1	-68.6%	0	1	-93.6%	10	17	-42.0%
Total	2,672	2,680	-0.3%	1,223	1,722	-29.0%	2,380	1,934	23.0%	93,167	67,169	38.7%

Lợi nhuận nhóm bất động sản tăng 47.5% yoy nhờ VIC NVL

- VIC từ lỗ 669 tỷ sang lãi 5,294 tỷ, chủ yếu nhờ việc thoái vốn tốt tại SDI, ghi nhận ~5,800 tỷ LN TT
- NVL lãi tăng 17.3 lần nhờ 3,897 tỷ thu nhập tài chính: từ hợp đồng hợp tác đầu tư với bên thứ ba và lãi cho vay
- Nếu loại cả VIC và NVL, lợi nhuận quý 3 ngành bất động sản giảm 19.4% so với cùng kỳ

STT	Code	Doanh thu		LNST	
		3Q2024	YoY	3Q2024	YoY
1	VHM	33,323	1.8%	7,866	-26.4%
2	VIC	62,850	31.1%	5,295	na
3	NVL	2,010	87.3%	3,120	1729.8%
4	VRE	2,078	-37.7%	906	-31.2%
5	BCM	1,228	8.9%	344	58.4%
6	SIP	1,977	16.0%	302	55.7%
7	TCH	1,414	456.3%	217	291.6%
8	KBC	950	284.5%	196	1319.8%
9	VPH	18	558.0%	183	na
10	HDG	567	23.4%	138	63.0%
11	VPI	855	217.3%	110	178.7%
12	IJC	189	-11.6%	87	25.0%
13	KDH	253	-59.0%	70	-66.1%
14	ITA	149	-17.6%	67	-12.5%
15	CRV	465	465.2%	65	-25.3%
16	SZC	165	-20.8%	60	8.2%
17	TDC	172	27.9%	53	na
18	PDR	3	-99.3%	51	-49.6%
19	SJS	128	-26.3%	47	32.8%
20	LHG	91	34.4%	42	31.6%
21	SGR	58	218.0%	42	126.9%
22	DXS	582	14.1%	35	920.3%
23	DXG	1,013	-16.5%	31	-54.9%
24	TDH	7	-47.6%	30	277.4%
25	TIX	56	7.5%	28	7.8%
26	QCG	178	166.6%	26	150.6%
27	SZL	124	19.7%	24	3.6%
28	AGG	268	-85.5%	24	-54.8%
29	CKG	300	3.1%	23	0.0%
30	TIP	40	0.2%	19	-71.6%

Nhóm bán lẻ tăng trưởng đột biến nhờ MWG FRT

Lợi nhuận nhóm bán lẻ tăng tới 410.6% nhờ:

- MWG tăng trưởng 19.7 lần, do nền lợi nhuận cùng kỳ 2023 rất thấp. Theo chúng tôi vì MWG đã dừng cuộc chiến giá rẻ,
- FRT chuyển từ lỗ 21 tỷ sang lãi 141 tỷ nhờ doanh thu và lợi nhuận từ chuỗi nhà thuốc Long Châu cao hơn dự kiến

Nếu loại bỏ MWG FRT, lợi nhuận ngành bán lẻ chỉ còn tăng trưởng 2.95%, cho thấy sự phân hóa trong ngành bán lẻ đang khá gay gắt

Code	Doanh thu			LNST		
	3Q2024	3Q2023	YoY	3Q2024	3Q2023	YoY
MWG	34,147	30,288	12.7%	800	39	1965.5%
FRT	10,376	8,236	26.0%	141	(21)	na
DGW	6,226	5,413	15.0%	122	102	18.9%
PET	5,653	4,254	32.9%	48	42	15.3%
AST	329	285	15.4%	39	29	32.7%
BTT	60	55	9.1%	12	12	3.4%
COM	981	1,127	-13.0%	7	14	-51.9%
CMV	1,114	1,108	0.5%	1	4	-83.6%
PIT	148	205	-28.1%	(0)	0	na
SBV	120	121	-1.3%	(13)	6	na
Total	59,153	51,092	15.8%	1,156	226	410.6%

Nhóm thép tăng trưởng tốt 17.4% nhưng có sự phân hóa

- HPG: Lợi nhuận tăng tới 50.8% nhờ 1) Sản lượng thép xây dựng tăng 29% yoy, 2) Sản lượng thép HRC tăng 14% yoy, 3) Doanh thu bất động sản tăng tới 11 lần, và 4) Mảng nông nghiệp (chăn nuôi heo, bò, gà) có doanh thu tăng 21% và lợi nhuận tăng 80%
- HSG lỗ 186 tỷ do 1) Giá bán đi ngang, trong khi giá nguyên liệu đầu vào mua từ trước với giá cao, 2) Chi phí lương nhân viên tăng tới 98.5%, ~134.5 tỷ; và 3) Chi phí xuất khẩu tăng tới 106%, ~202.4 tỷ
- NKG lãi tăng 174%, chủ yếu do nền doanh thu và lợi nhuận cùng kỳ quá thấp

Code	Doanh thu			LNST		
	3Q2024	3Q2023	YoY	3Q2024	3Q2023	YoY
HPG	33,956	28,484	19.2%	3,023	2,005	50.8%
HSG	10,109	8,107	24.7%	(186)	440	na
NKG	5,188	4,262	21.7%	65	24	174.1%
DTL	635	496	28.0%	1	4	-79.7%
VCA	383	390	-1.7%	(3)	(3)	na
SHA	299	290	3.0%	4	4	5.4%
TNI	260	239	8.9%	6	4	49.4%
Total	50,830	42,267	20.3%	2,910	2,478	17.4%



Head Quarter

9th floor, East Tower, Lotte Center Ha Noi, 54 Lieu Gia, Cong Vi ward, Ba Dinh District, Ha Noi

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Hanoi branch

1st floor, Somerset Grand Hanoi & Room 505, 5F, Hanoi Tower, No. 49 Hai Ba Trung, Tran Hung Dao ward, Hoan Kiem District, Ha Noi

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Ho Chi Minh branch

3rd floor, President Place Building, 93 Nguyen Du, Ben Nghe ward, District 1, HCM

Hotline: 0283.838.5917

Fax: 0283.620.0887

This report belongs to NHSV, any unauthorized copying or printing without NHSV's permission is strictly prohibited. This report does not constitute an invitation to buy or sell any securities. The recommendation in this report may not be suitable for all investors. The information, forecasts and recommendation in this report are based on reliable sources. However, NHSV does not guarantee the complete accuracy and completeness of these information sources. NHSV is not responsible for errors, omissions, losses contained in this document.

